

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHI LỘC
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 05/2019/DS-ST

Ngày: 21- 11-2019

(V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI LỘC- TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Loan Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Hòa, ông Nguyễn Xuân Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Vương Thanh Minh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: bà Cao Thị Hải Long-Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2018/TLST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXX-ST ngày 04 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Minh H- sinh năm 1970

Địa chỉ: 38/31/12 đường C, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: anh Lê Bá Q - sinh năm 1987

Địa chỉ: 502, Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai theo Hợp đồng ủy quyền lập ngày 18-7-2018. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Q Y- Luật sư Công ty Luật TNHH MTV H thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Đ (sau đây gọi tắt là Công ty Đ)

Địa chỉ: xóm 12, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: ông Võ Văn T- Giám đốc

Địa chỉ: xóm 12, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

3. Người làm chứng: bà Bùi Thị Thu N

Địa chỉ: 817, đường C, phường 6, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

{1.} Theo đơn khởi kiện đề ngày 13-6-2018 và các lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Minh H là nguyên đơn trong vụ kiện trình bày: Vào ngày 16-8-2016, bà có lập hợp đồng vay tài sản có biện pháp bảo đảm để cho công ty Đ vay số tiền 12.000.000.000 đồng Việt nam (Mười hai tỷ). Lãi suất vay là 1%/tháng và thời hạn vay từ ngày 17-8-2016 cho đến ngày 31-12-2017 với mục đích cho công ty Đ đầu tư xây dựng khu dịch vụ du lịch sinh thái. Để đảm bảo trả nợ vay, công ty Đ đã giao cho bà H bản chính các giấy tờ sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số BX-450031; số vào sổ chứng nhận: CT09199 do Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An cấp ngày 06-12-2015.

- Quyết định số 951/QĐ-UBND-ĐC ngày 31-12-2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc cho Công ty Đ thuê đất.

- Giấy chứng nhận đầu tư số 27121000063 ngày 22-8-2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Quyết định số 3280/QĐ-UBND-XD ngày 15-7-2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng khu du lịch sinh thái Đ kết hợp nuôi trồng thủy sản.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 465111 thuộc thửa đất số 1138, tờ bản đồ số 08, diện tích 220m² do Ủy ban nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ an cấp ngày 08/12/2011 mang tên ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị Á.

Ngày 17.8.2016, tại phòng Công chứng Lan Châu- thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An, công ty Đ do ông Võ Văn T là giám đốc làm đại diện đã lập hợp đồng ủy quyền cho bà H đối với 03 thửa đất 24; 17; 10 thuộc tờ bản đồ số 09 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 450031 do Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An cấp cho công ty Đ ngày 06-12-2015 tại xã N, huyện N.

Ngày 23-8-2016, ông Võ Văn T và vợ là bà Nguyễn Thị Á tiếp tục lập hợp đồng ủy quyền tại phòng Công chứng Lan Châu cho bà H thửa đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 465111 thuộc thửa đất số 1138, tờ bản đồ số 08, diện tích 220m² do Ủy ban nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ an cấp ngày 08/12/2011.

Đến ngày 31-12-2017 là ngày trả nợ nhưng công ty Đ vẫn không thanh toán nên bà Nguyễn Thị Minh H đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, yêu cầu buộc Công ty Đ phải thanh toán cho bà khoản nợ gốc là 12.000.000.000 đồng (mười hai tỷ đồng Việt nam) và khoản nợ lãi mỗi tháng 1% của 12 tỷ; Theo biên bản lấy lời khai lập ngày 05.10.2018, Nguyên đơn yêu cầu Công ty Đ do ông Võ Văn T làm đại diện phải chịu khoản lãi suất theo quy định của pháp luật với số tiền 12 tỷ đồng kể từ ngày vay tiền là 17.8.2016 cho đến nay. Ngoài nội dung trên, Nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

Để chứng minh cho yêu cầu buộc trả nợ, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ như sau:

- Hợp đồng vay tiền lập ngày 16-8-2016 có nội dung bà Nguyễn Thị Minh H cho Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đ vay khoản tiền 12.000.000 đồng Việt

nam. Lãi suất vay 1%/tháng; Thời gian vay từ ngày 17-8-2016 đến hết ngày 31-12-2017. Mục đích để đầu tư xây dựng khu du lịch sinh thái. Về hình thức: Hợp đồng gồm 3 trang giấy rời. Tờ thứ nhất, tờ thứ 2 không có chữ kí của hai bên người vay và người cho vay (Chữ kí của bà H ở góc trên, bên phải là bà H kí xác nhận tại Tòa án khi giao nộp bản gốc); Dấu giáp lai của công ty Đ trên 3 tờ giấy theo thứ tự không khớp nhau.

- Hợp đồng ủy quyền lập ngày 17-8-2016 giữa bà Nguyễn Thị Minh H và công ty Đ do ông Võ Văn T đại diện ủy quyền cho bà H được phép " quản lý, sử dụng... định đoạt..." đối với 03 thửa đất 24; 17; 10 thuộc tờ bản đồ số 09 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 450031 do Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An cấp cho công ty Đ ngày 06-12-2015 tại xã N, huyện N.

Tại lời khai của người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Minh H là ông Lê Bá Q không bổ sung thêm nội dung gì khác; cũng như bà H, ông cũng không yêu cầu Tòa án tiến hành giám định tính hợp pháp của hợp đồng vay tiền trong việc con dấu công ty Đ đóng giáp lai không khớp với thứ tự hợp đồng mà khẳng định là do sơ suất khi sắp xếp văn bản đóng giáp lai.

{2.} Đối với bị đơn là Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Đ do ông Võ Văn T là giám đốc làm đại diện:

Qua xác minh, điều tra thì Công ty Đ có trụ sở đóng tại xóm 12, Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; Giám đốc công ty là ông Võ Văn T là người đại diện công ty trước pháp luật hiện vẫn có hộ khẩu thường trú tại đó; Quá trình từ trước đến nay, ông T không cắt chuyển hộ khẩu, không khai báo tạm vắng. Ông Võ Văn T không nhận trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng thông qua người thân (vợ ông T là bà Nguyễn Thị Á), thông qua việc niêm yết văn bản hợp pháp - ông đã nắm bắt rõ sự việc nhưng từ khi Tòa án thụ lý đến nay, ông vẫn không hợp tác. Sau khi nhận thông báo thụ lý, ông không viết bản khai, không nêu quan điểm cá nhân, không về Tòa án làm việc và tham gia các phiên họp mà chỉ gửi đơn giải trình, đơn tố cáo với nhiều nội dung. Cụ thể:

+ Ngày 10-8-2018 (căn cứ theo dấu bưu điện), ông Võ Văn T đại diện công ty Đ có đơn kiến nghị số 01/2018 trình bày đã nhận được thông báo của Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc và có ý kiến: vào tháng 10 năm 2017, dưới sự đe dọa của 4 người thanh niên trong phòng ở chung cư Nam chung yên, thành phố Hà Nội - ông đã bị ép buộc viết giấy nhận nợ bà H số tiền 12.000.000.000 đồng (mười hai tỷ đồng).

+ Trong Bản cung cấp thông tin ngày 02-10-2018, ông Võ Văn T cho rằng ông không vay bà Nguyễn Thị Minh H số tiền 12.000.000.000 đồng như bà H trình bày mà thực chất ông chỉ nhận 2.400.000.000 đồng tiền đặt cọc mua đất từ bà H, ông đã trả được 360.000.000 đồng và đến nay bà H không lấy đất thì ông hết nghĩa vụ thanh toán. Ông khẳng định bà Phạm Thị Thu N là kế toán của công ty ông, chứng kiến sự việc này. Ông gửi kèm theo bản phô tô Hợp đồng đặt cọc mua đất ngày 17-8-2016.

+ Cũng trong ngày 02-10-2018, sau khi nhận được thông tin về các buổi làm việc, phiên họp do Tòa án tổ chức; ông Võ Văn T làm bản Tô cáo và đơn kiến nghị gửi cơ quan Tòa án huyện Nghi Lộc; công an huyện Nghi Lộc; công an tỉnh

Nghệ An; Bộ Công an. Trong tường trình, ngoài việc ông khẳng định chỉ giao dịch với bà Hằng việc mua bán đất với trị giá 2.400.000.000 đồng thì ông không thực hiện giao dịch nào khác. Ông khẳng định bà H đặt cọc mua đất và ông trả lãi được 360.000.000 đồng. Riêng bản hợp đồng vay 12 tỷ bà H nộp khởi kiện ông là giả mạo, lắp ghép nội dung chứ không phải là sự thật và ông kiên nghị giải quyết bằng vụ án Hình sự.

{3} Bà Phạm Thị Thu N hiện không có mặt tại địa phương nơi cư trú và đã được xác minh là không rõ đang sinh sống ở đâu. Qua lời khai mà ông Võ Văn T gửi kèm về mang tên bà thì trình bày: Lời khai của ông Võ Văn T là đúng. Ngày 16-8-2016, bà và bà H chuyển cho ông T 2.400.000.000 đồng tiền mặt đặt cọc mua đất. Ông Võ Văn T ủy quyền lại bà đất dự án cho bà H. Ngày 17-8-2018 hai bên đã quyết toán khoản vay cụ thể: tiền gốc 2.400.000.000 đồng. Lãi suất 15%/tháng là 12.000.000 đồng/ngày. Thời gian vay là 730 ngày. Tổng cả lãi và gốc là 11.160.000.000 đồng. Ông T đã trả được 360.000.000 đồng nên nay còn nợ cả gốc và lãi là 10.800.000.000 đồng. Bà N cũng trình bày bản thân không ăn chia với số tiền trên nên không liên quan trong vụ tranh chấp.

{4.} Bà Nguyễn Thị Á có bản khai trình bày: việc vay mượn là việc của chồng bà (ông Võ Văn T). Trong vụ án này bà H đòi nợ công ty Đ do ông T làm giám đốc, không yêu cầu gì về nội dung thế chấp, tài sản thế chấp nên bà không có liên quan gì, bà từ chối làm việc.

Ngày 08 tháng 4 năm 2019, sau khi thực hiện các thủ tục xác minh đối với đơn tố cáo của ông Võ Văn T về hành vi giả mạo giấy tờ để đòi nợ ông của bà Nguyễn Thị Minh H tại các cơ quan mà ông T đã đề gửi, Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc đã tiến hành niêm yết thông báo số 10/2019/TB-TA ngày 08-4-2019 của Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc cho Công ty Đ với nội dung: Tiếp tục giải quyết vụ án vì lý do tạm đình chỉ giải quyết vụ án không còn; đồng thời yêu cầu ông phải thực hiện quyền và nghĩa vụ cung cấp, chứng minh về tài liệu, chứng cứ mà mình giao nộp, trình bày. Cụ thể là thực hiện việc giám định tài liệu là Hợp đồng vay tài sản lập ngày 16-8-2016 mà ông tố cáo là được xác lập giả mạo. Tuy nhiên, hết thời hạn quy định của pháp luật, ông Võ Văn T không thực hiện yêu cầu và không có văn bản, ý kiến gì.

Trước đó, vào ngày 05.10.2018, bà Nguyễn Thị Minh H đã có đơn từ chối, không yêu cầu giám định chữ ký và con dấu trong hợp đồng vay tài sản ngày 16-8-2016 giữa bà với công ty Đ do ông Võ Văn T làm đại diện vì khẳng định đó là chứng cứ đúng nhưng đến ngày 28-6-2019, bà đã làm đơn yêu cầu Tòa án ra Quyết định trưng cầu Giám định đối với hình dấu Công ty Đ mà ông Võ Văn T tố cáo là bà giả mạo, lắp ghép.

Ngày 19.7.2019, tại kết luận Giám định số 22/KL-KTHS(GĐKTHSTT) của phòng Kỹ thuật hình sự - công an tỉnh Nghệ an kết luận: Hình dấu giáp lai trên ba tờ giấy của HỢP ĐỒNG VAY TIỀN ngày 16.8.2016 là hình dấu của một con dấu được tạo ra trong một lần đóng; Hình dấu giáp lai này và hình dấu tròn dưới mục "Bên B" trong HỢP ĐỒNG VAY TIỀN và hình dấu tròn dưới mục "GIÁM ĐỐC" trên "ĐƠN KIẾN NGHỊ" số 02 đề ngày 02.10.2018 là do cùng một con dấu đóng ra.

Tại phiên tòa, bị đơn và người đại diện theo pháp luật của bị đơn không có mặt. Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn khẳng định việc vay mượn, giao nhận tiền đã thực hiện, giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án buộc Công ty Đ do ông Võ Văn T là giám đốc làm đại diện theo pháp luật phải thanh toán trả cho bà Nguyễn Thị Minh H khoản nợ gốc 12 tỷ đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Bà H và người đại diện theo ủy quyền không có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Đây là tranh chấp về đòi lại tài sản được quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự; Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng, xây dựng hồ sơ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật và nội quy phiên tòa, tôn trọng Hội đồng xét xử. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ rất nhiều lần nhưng không hợp tác với Tòa án nên việc đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 227 bộ luật Tố tụng Dân sự là đúng pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại bộ luật Dân sự năm 2005 để buộc Công ty Đ mà ông Võ Văn T làm giám đốc là người đại diện theo pháp luật phải trả cho bà Nguyễn Thị Minh H số tiền nợ gốc 12 tỷ đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

{1} Về thủ tục tố tụng: Đây là một vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, nguyên đơn chỉ yêu cầu giải quyết khoản nợ vay, không yêu cầu về các nội dung khác; Bị đơn không có yêu cầu phản tố giải quyết các nội dung như các giấy tờ, văn bản đã ủy quyền cho nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập lời khai nguyên đơn, hợp phiên công khai chứng cứ, tiến hành hòa giải hợp lệ; việc đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Không ai có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng. Bản thân công ty Cổ phần Đ do ông Võ Văn T làm giám đốc đại diện theo pháp luật đã nhận các văn bản tài liệu của Tòa án một cách hợp lệ như giao cho người thân, niêm yết nhưng không hợp tác nên tuy không có bản khai, không có mặt tại phiên Tòa nhưng có bản tường trình, kiến nghị, tố cáo gửi đến Tòa án. Các phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ông đều không có mặt. Do đã được giao nhận hợp lệ các văn bản tố tụng, quyết định xét xử lần thứ 2 nên Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

{2} Về nội dung:

{2.1} Ngày 16-8-2016, giữa bà Nguyễn Thị Minh H và ông Võ Văn T là đại diện theo pháp luật của công ty Đ có lập hợp đồng vay tài sản có biện pháp bảo đảm để cho công ty Đ vay số tiền 12.000.000.000 đồng Việt nam (Mười hai tỷ). Hai bên đã thỏa thuận mức lãi suất vay là 1%/tháng và thời hạn vay từ ngày 17-8-

2016 cho đến ngày 31-12-2017 với mục đích cho công ty Đ đầu tư xây dựng khu dịch vụ du lịch sinh thái.

Để đảm bảo cho món nợ, công ty Đ đã giao cho bà H các giấy tờ như: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số BX-450031 do Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An cấp ngày 06-12-2015; Quyết định số 951/QĐ-UBND-ĐC ngày 31-12-2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc cho Công ty Đ thuê đất...

Sau khi ký kết các hợp đồng thì ngày 17.8.2016, ông Võ Văn T đã nhận số tiền trên nhưng đến ngày 31-12-2017 là ngày trả nợ nhưng công ty Đ vẫn không thanh toán nên bà Nguyễn Thị Minh H đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, yêu cầu buộc Công ty Đ phải thanh toán cho bà khoản nợ gốc là 12.000.000.000 đồng (mười hai tỷ đồng Việt nam) và khoản nợ lãi của 12 tỷ và không có yêu cầu gì khác.

Xét lời khai nại của bà Nguyễn Thị Minh H là có cơ sở. Giữa bà H và ông Võ Văn T đã lập các hợp đồng có đầy đủ tính chất pháp lý, hoàn toàn tự nguyện và không có dấu hiệu bị ép buộc. Việc ông Võ Văn T tự viết thêm vào cuối hợp đồng vay tiền giao thêm giấy tờ đất, chốt lại nội dung về các văn bản, giấy tờ vay tiền trước đây và lời cam kết hoàn trả tiền vay ngay sau khi dự án được giải ngân chứng tỏ giao dịch giao nhận tiền đã xảy ra trên thực tế. Ông Võ Văn T không chịu về Tòa án làm việc theo giấy triệu tập cũng như các thông báo, yêu cầu của Tòa án nhưng lại làm các bản tố cáo có nội dung trước sau không phù hợp. Có văn bản thì ông trình bày bị ép buộc ký giấy nợ vay bà H 12 tỷ đồng. Trong văn bản khác ông lại khai báo là bà H ghép các bản hợp đồng rồi để làm chứng cứ đòi nợ ông. Bản thân ông gửi đơn đến Tòa án và cơ quan Công an các cấp yêu cầu xem xét khởi tố vụ án hình sự và Tòa án đã tạm đình chỉ vụ án, tiến hành xác minh nội dung trên thì thực chất ông không gửi cho bất cứ cơ quan nào. Mặc dù lời khai thiếu thống nhất của ông Võ Văn T đã đủ cơ sở để khẳng định tính quanh co, dối trá, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ nhưng Tòa án vẫn tiến hành giám định con dấu giáp lai mà ông cho là đã bị gán, ghép. Kết quả trả lời sau khi giám định của phòng Kỹ thuật hình sự công an tỉnh Nghệ An cho biết: hình dấu giáp lai trên 3 tờ giấy của HỢP ĐỒNG VAY TIỀN nêu trên là của một con dấu trong một lần đóng ra. Điều đó càng khẳng định việc bà Nguyễn Thị Minh H yêu cầu công ty Đ do ông Võ Văn T là đại diện phải trả cho bà số tiền gốc 12 tỷ đồng là có cơ sở, cần chấp nhận.

{2.2} Về phần lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất là 1%/tháng từ khi cho vay đến nay nhưng Hội đồng xét xử không chấp nhận vì: Trong Hợp đồng vay tiền ngày 16.8.2016, các bên thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng, không nêu rõ là lãi suất trong hạn hay quá hạn. Căn cứ vào Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao ban hành ngày 11.01.2019 và có hiệu lực kể từ ngày 15.3.2019 thì đây là hợp đồng vay tài sản không phải là hợp đồng tín dụng thuộc trường hợp áp dụng bộ luật Dân sự năm 2005. Phần tiền lãi trong trường hợp này thuộc trường hợp Hợp đồng vay có lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Nghị quyết. Trường hợp này quy định hai khoản lãi gồm nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết 01 nêu trên thì thỏa thuận lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả không được cao hơn 150% mức lãi suất cơ bản do

Ngân hàng Nhà nước Việt nam công bố tại thời điểm xác lập hợp đồng. Lãi quá hạn được tính theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt nam công bố tại thời điểm xét xử.

Như vậy, đối với trường hợp này mức lãi suất ghi nhận theo thỏa thuận trong hợp đồng là 1% số tiền vay/tháng cho lãi suất trong hạn. Theo bảng kê của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt nam- chi nhánh huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ an cho biết: Theo quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29.11.2010 thì mức lãi suất cơ bản là 9%/năm và 150% mức lãi suất cơ bản tương đương 13,5%/năm. Mức lãi suất đó cố định, không thay đổi từ đó đến nay. Như vậy, tại thời điểm xác lập hợp đồng giữa bà Hằng và công ty Đàm sen là tháng 8.2016 và tại thời điểm xét xử là tháng 11 năm 2019 thì mức lãi suất 1%/tháng theo thỏa thuận của các bên đang nằm trong giới hạn lãi suất cho phép. Mức lãi suất thỏa thuận của các đương sự tuy cao hơn lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố nhưng cũng không vượt quá 150% của mức lãi suất cơ bản nên cần chấp nhận buộc phía bị đơn chịu nghĩa vụ trả lãi theo quy định để đảm bảo quyền lợi cho nguyên đơn. Cụ thể:

+ Phần nợ lãi trong hạn được tính từ ngày 16.8.2016 cho đến ngày 31.12.2017 là 16 tháng 15 ngày với mức lãi suất 1%/tháng tương đương 120.000.000đ/tháng và 4.000.000 đồng/ngày là 1.980.000.000 đồng (Một tỷ chín trăm tám mươi triệu đồng chẵn).

+ Phần nợ lãi quá hạn tính từ ngày 01.01.2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là 21.11.2019 là 22 tháng 20 ngày với mức lãi suất 9%/năm (tức 0,75%/tháng) tương đương 90.000.000đ/tháng (chín mươi triệu đồng/tháng) và 3.000.000 đồng/ngày là 2.040.000.000 đồng (Hai tỷ không trăm bốn mươi triệu đồng chẵn).

Như vậy, tiền lãi suất trong hạn và quá hạn mà công ty Đàm sen phải trả cho bà Nguyễn Thị Minh H đến hết ngày 21.11.2019 là 4.020.000.000đ (Bốn tỷ không trăm hai mươi triệu đồng chẵn). Tổng cả gốc và lãi là 16.020.000 000 đồng (Mười sáu tỷ không trăm hai mươi triệu đồng chẵn)

{3} Trong vụ tranh chấp này còn liên quan đến việc ủy quyền của ông Võ Văn Tường cho bà Nguyễn Thị Minh H các giấy tờ, quyền sử dụng đất ở, đất dự án...Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị Minh H không yêu cầu giải quyết; Bản thân ông T nắm rõ nội dung vụ kiện nhưng không có yêu cầu phản tố; Bà Nguyễn Thị Á là đồng chủ sử dụng thửa đất đã ủy quyền cho bà H nhưng bà H không yêu cầu giải quyết thế chấp, ủy quyền và bà Á cũng từ chối không tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử không xét đến. Trong trường hợp ông Võ Văn T, công ty Đ hoặc bà Nguyễn Thị Á có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

Về yêu cầu của phía nguyên đơn đề nghị đưa ông Nguyễn Văn D vào tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng; Yêu cầu này là hợp lệ nhưng xét không có căn cứ để chứng minh ông Nguyễn Văn D tham gia trong quá trình ký kết giao dịch vay, mượn tiền giữa bà H và công ty Đ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Do Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Minh H, buộc công ty Đ do ông Võ Văn T làm đại diện theo pháp luật phải có nghĩa vụ trả nợ nên cần trả lại tạm ứng án phí cho bà H; buộc công ty Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 256; 471; 473; 474; 476; khoản 2 Điều 478 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao ban hành ngày 11.01.2019.

Căn cứ vào Nghị quyết 45/2005/QH11 ngày 14.6.2005, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 về Lệ phí, án phí Tòa án của Quốc hội;

Xử:

{1.} Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Minh H:

Buộc công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Đ do ông Võ Văn T là người đại diện theo pháp luật phải trả cho bà Nguyễn Thị Minh H số tiền 16.020.000 000 đồng (Mười sáu tỷ không trăm hai mươi triệu đồng chẵn) gồm:

Tiền gốc: 12.000.000.000 đồng (Mười hai tỷ đồng chẵn).

Tiền lãi trong hạn: 1.980.000.000 đồng (Một tỷ chín trăm tám mươi triệu đồng chẵn).

Tiền lãi quá hạn: 2.040.000.000 đồng (Hai tỷ không trăm bốn mươi triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Đ còn phải tiếp tục chịu lãi suất đối với số tiền gốc chưa trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ luật Dân sự năm 2015.

{2.} Về án phí: Buộc Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Đ phải chịu 124.020.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu không trăm hai mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Minh H số tiền tạm ứng án phí là 99.000.000 đồng (chín mươi chín triệu đồng) đã nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự huyện Nghi Lộc theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006229 ngày 26 tháng 6 năm 2018.

{3.} Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nghi Lộc;
- Chi cục T.H.A Dân sự huyện Nghi Lộc;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đinh Loan Hòa